

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/DS - ST

Ngày: 25/7/2019.

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh On

2. Ông Lại Thiện Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Kim Phương - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Kha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 153/2019/TLST – DS, ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST – DS, ngày 05 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông **Lê Văn C**, sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1968

Địa chỉ: ấp K, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà **Nông Thị M**, sinh năm 1969

Địa chỉ: ấp K, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

(Ông C có mặt tại phiên tòa; ông T và bà M vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2018 và tại biên bản lấy lời khai ngày 26/02/2019 nguyên đơn ông Lê Văn C trình bày: Vào ngày 07/10/2017, ông C giao cho ông T và bà M 4.000kg giống lúa 5953, bằng số tiền là 46.000.000 đồng và 2.000 kg giống lúa 2395, với số lượng là bằng số tiền 22.000.000 đồng.

Tổng số tiền hai loại lúa giống là 68.000.000 đồng. Ông T đã ký nhận đủ lúa và trả cho ông C được 50.000.000 đồng và còn thiếu lại ông C 18.000.000 đồng. Đến ngày 14/10/2017, ông C tiếp tục giao cho ông T và bà M 3296 kg giống lúa 5953 với tổng số tiền là 37.904.000 đồng và 2.000 kg giống lúa 2395 bằng số tiền 22.000.000 đồng. Tổng số tiền giao lần hai là 59.904.000 đồng. Như vậy ông T và bà M còn thiếu lại ông C số tiền 77.904.000 đồng. Sau đó, ngày 14/10/2017, ông T gửi trả cho ông C được 17.904.000 đồng. Ngày 23/7/2018, ông T chuyển khoản cho ông C được 20.000.000 đồng. Tổng số tiền ông T còn thiếu lại ông C là 40.000.000 đồng. Sau đó, ông C có đòi nhưng ông T và bà M không trả và ông C đã lấy lại 920 kg lúa, tính ra tiền là 10.120.000 đồng. Tổng số tiền hiện tại ông T và bà M còn thiếu ông C là 29.880.000 đồng. Ông C xác định, khi bán hàng cho ông T, bà M thì ông C có lập sổ nợ. Đối với số tiền mua lúa giống 68.000.000 đồng thì ông T có ký vào sổ nợ, Còn ngày 06/5/2018 thì bà M có ký nhận. Ngoài ra, ông không có ý kiến gì.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T: Do ông T không có mặt ở địa phương nên không thể tiến hành ghi ý kiến của ông T được. Bên cạnh đó, Tòa án có tiến hành giao các văn bản tố tụng cho ông T và vợ ông T là bà M đồng ý nhận thay ông T và đảm bảo giao lại cho ông T. Chính quyền địa phương cũng xác định, ông T vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp K, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và hiện tại không có ở địa phương nhưng mỗi tháng ông T có về địa phương hai, ba lần.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/01/2019, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị M trình bày: bà là vợ của ông Nguyễn Văn T, ông T hiện tại đang đi làm công trình ở huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Thỉnh thoảng 01 tháng thì ông T có về hai, ba lần. Bà với ông T đang sống chung và chưa có ly thân hay ly hôn với nhau. Nay ông C kiện đòi bà và ông T phải trả cho ông C số tiền mua lúa giống còn thiếu là 29.880.000 đồng thì bà không đồng ý vì lúa giống của ông C bán cho bà và ông T khi ngâm thì lúa không nảy mầm nên ông C phải chịu $\frac{1}{2}$ thiệt hại của tổng số tiền 29.880.000 đồng. Từ đó, bà M chỉ đồng ý cùng ông T trả cho ông C số tiền là 14.940.000 đồng. Ngoài ra, bà không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự: thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Lê Văn C, buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nông Thị M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Văn C số tiền 29.880.000đ (Hai mươi chín triệu tám trăm tám chục nghìn đồng).

Ông Nguyễn Văn T và bà Nông Thị M phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Lê Văn C khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Nông Thị M trả 29.880.000 đồng tiền mua lúa giống nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về “Tranh chấp hợp đồng mua bán” là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nông Thị M có nơi đăng ký thường trú tại ấp K, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Việc xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T và bà Nông Thị M khi ông Nguyễn Văn T và bà Nông Thị M vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là đúng quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn C khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Nông Thị M trả 29.880.000 đồng tiền mua lúa giống: Vào ngày 07/10/2017, ông C giao cho ông T và bà M 4.000kg giống lúa 5953, bằng số tiền là 46.000.000 đồng và 2.000 kg giống lúa 2395, với số lượng là bằng số tiền 22.000.000 đồng. Tổng số tiền hai loại lúa giống là 68.000.000 đồng. Ông T đã ký nhận đủ lúa và trả cho ông C được 50.000.000 đồng và còn thiếu lại ông C 18.000.000 đồng. Đến ngày 14/10/2017, ông C tiếp tục giao cho ông T và bà M 3296 kg giống lúa 5953 với tổng số tiền là 37.904.000 đồng và 2.000 kg giống lúa 2395 bằng số tiền 22.000.000 đồng. Tổng số tiền giao lần hai là 59.904.000 đồng. Như vậy ông T và bà M còn thiếu lại ông C số tiền 77.904.000 đồng. Sau đó, ngày 14/10/2017, ông T gửi trả cho ông C được 17.904.000 đồng. Ngày 23/7/2018, ông T chuyển khoản cho ông C được 20.000.000 đồng. Tổng số tiền ông T còn thiếu lại ông C là 40.000.000 đồng. Sau đó, ông C có đòi nhưng ông T và bà M không trả và ông C đã lấy lại 920 kg lúa, tình ra tiền là 10.120.000 đồng. Tổng số tiền hiện tại ông T và bà M còn thiếu ông C là 29.880.000 đồng. Ông C xác định, khi bán hàng cho ông T, bà M thì ông C có lập sổ nợ. Đối với số tiền mua lúa giống 68.000.000 đồng thì ông T có ký vào sổ nợ, Còn ngày 06/5/2018 thì bà M có ký nhận. Tại lời khai của mình, bà M là vợ ông T thừa nhận bà và ông T có mua lúa giống và còn nợ của ông C. Tuy nhiên bà M có ý kiến do lúa giống của ông C bán cho bà và ông T

khi ngâm thì lúa không nảy mầm nên ông C phải chịu $\frac{1}{2}$ thiệt hại của tổng số tiền 29.880.000 đồng. Từ đó, bà M chỉ đồng ý cùng ông T trả cho ông C số tiền là 14.940.000 đồng. Bà M không có chứng cứ gì chứng minh cho việc lúa giống mà ông C giao cho ông T và bà M khi ngâm thì không nảy mầm. Tại phiên tòa, ông C xác định từ trước đến nay ông không nghe việc ông T và bà M báo với ông C cho việc lúa giống mà ông C giao cho ông T và bà M khi ngâm thì không nảy mầm nên ông C không đồng ý với ý kiến của bà M. Ông C tiếp tục yêu cầu ông T và bà M trả 29.880.000 đồng. Do đó, yêu cầu của ông C là có cơ sở chấp nhận.

[2] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu là phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử ghi nhận toàn bộ.

[3] Về án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch: buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nông Thị M phải liên đới chịu số tiền 1.494.000đ (Một triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430 và Điều 440 Bộ luật dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn C:

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nông Thị M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Văn C số tiền 29.880.000đ (Hai mươi chín triệu tám trăm tám chục nghìn đồng).

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015”.

[2]. Về án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch: Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nông Thị M có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền 1.494.000đ (Một triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng). Do ông Lê Văn C đã dự nộp số tiền 747.000đ (Bảy trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0005956 ngày 05/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên ông Lê Văn C được hoàn lại toàn bộ số tiền 747.000đ (Bảy trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) trong giai đoạn thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Kiệt